

BÁO CÁO CHI TIẾT QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 (NGÂN SÁCH CẤP XÃ)

(Kèm theo Báo cáo số 104/BC-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025 của UBND thị xã)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 04/QTNĐ

Biểu 04/QTNE

Đơn vị tính : Đồng

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Số TT	Mã dự án	Nội dung	Lấy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Số vốn TỰ theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước năm quyết toán	TTKLHT trong năm của phần vốn TỰ chưa thu hồi theo chế độ K/C đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư các năm trước				Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán				Tổng số vốn đã thanh toán khi được quyết toán trong năm...	Lấy kế số vốn theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	
						Tổng số	Tư đối vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Kế hoạch vốn được kéo dài	Giải ngân	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)			
1		Xã Phố Thuận	-	-	-	-	-	-	-	700.000.000	700.000.000	-	-	700.000.000	-	700.000.000
1.1	8081078	Nhà văn hóa sân thể thao thôn Thiệp Sơn								700.000.000	700.000.000			700.000.000	-	700.000.000
203		Mã ngành 203- Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	-	-	-	-	-	-	-	2.100.000.000	2.097.585.600	-	-	2.097.585.600	-	2.097.585.600
2		Xã Phố An	-	-	-	-	-	-	-	700.000.000	700.000.000	-	-	700.000.000	-	700.000.000
2.1	8084081	KCH kênh mương Dĩnh 6 di sông Thoa Gò Sậy di nương tiêu dôi 4 thôn An Thọ								700.000.000	700.000.000			700.000.000	-	700.000.000
3		Xã Phố Cường	-	-	-	-	-	-	-	700.000.000	700.000.000	-	-	700.000.000	-	700.000.000
3.1	8081800	KCH tuyến kênh từ Ao Vường- nhà ông Liêu								700.000.000	700.000.000			700.000.000	-	700.000.000
4		Xã Phố Nhom	-	-	-	-	-	-	-	700.000.000	697.585.600	-	-	697.585.600	-	697.585.600
4.1	8081806	KCH kênh N7 di Mương Ngang								700.000.000	697.585.600			697.585.600	-	697.585.600
292		Mã ngành 292 - Giao thông đường bộ	-	-	-	-	-	-	-	1.400.000.000	1.385.821.000	-	-	1.385.821.000	-	1.385.821.000
1		Xã Phố Phong	-	-	-	-	-	-	-	700.000.000	685.821.000	-	-	685.821.000	-	685.821.000
1.1	8085531	Tuyến Cầu Sếp di nhà ông Tung (thôn Tân Phong)								700.000.000	685.821.000			685.821.000	-	685.821.000
2		Xã Phố Châu	-	-	-	-	-	-	-	700.000.000	700.000.000	-	-	700.000.000	-	700.000.000
2.1	8086227	Dự án Đường Kín 2.3 di địa Bình Đà thôn Hưng Long								700.000.000	700.000.000			700.000.000	-	700.000.000
II		NGÂN SÁCH TỈNH HỒ THƯỚC HIỆN ĐỀ ÁN XI MĂNG (KHV năm 2024 theo QĐ số 546/QĐ-UBND ngày 30/7/2024)	-	-	-	-	-	-	-	4.554.867.900	4.554.867.900	-	-	4.554.867.900	-	4.554.867.900
II.1		MÃ NGUỒN: 43	-	-	-	-	-	-	-	4.554.867.900	4.554.867.900	-	-	4.554.867.900	-	4.554.867.900
		Nguồn XDCB vốn tập trung (Đề án XI măng)	-	-	-	-	-	-	-	2.079.346.100	2.079.346.100	-	-	2.079.346.100	-	2.079.346.100
		Hỗ trợ cơ mực tiêu cho các huyện	-	-	-	-	-	-	-	2.079.346.100	2.079.346.100	-	-	2.079.346.100	-	2.079.346.100
280		280 - Các hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	2.079.346.100	2.079.346.100	-	-	2.079.346.100	-	2.079.346.100
292		Mã ngành 292 - Giao thông đường bộ	-	-	-	-	-	-	-	2.079.346.100	2.079.346.100	-	-	2.079.346.100	-	2.079.346.100
1		Xã Phố Nhom	0	0	0	0	0	0	0	647.435.100	647.435.100	0	0	647.435.100	-	647.435.100
1.1	8106770	Các tuyến đường ngõ xóm trên địa bàn thôn An Tây Diên năm 2024;								54.046.200	54.046.200			54.046.200	-	54.046.200
1.2	8106772	Các tuyến đường ngõ xóm trên địa bàn thôn Phước Lợi năm 2024;								94.341.000	94.341.000			94.341.000	-	94.341.000
1.3	8112038	Các tuyến đường ngõ xóm trên địa bàn thôn Phước Nhom năm 2024;								88.744.500	88.744.500			88.744.500	-	88.744.500
1.4	8112039	Các tuyến đường ngõ xóm trên địa bàn thôn Tân Sơn năm 2024;								88.424.700	88.424.700			88.424.700	-	88.424.700
1.5	8112040	Các tuyến đường ngõ xóm trên địa bàn thôn Nhom Bích năm 2024;								183.565.200	183.565.200			183.565.200	-	183.565.200
1.6	8125719	Các tuyến đường ngõ xóm trên địa bàn thôn Phước Nhom điều chỉnh năm 2024;								43.972.500	43.972.500			43.972.500	-	43.972.500
1.7	8125721	Các tuyến đường ngõ xóm trên địa bàn thôn Nhom Bích điều chỉnh năm 2024;								69.556.500	69.556.500			69.556.500	-	69.556.500
1.8	8125722	Tuyến đường từ nhà Nguyễn Tấn Năm đến nhà bà Chia								10.393.500	10.393.500			10.393.500	-	10.393.500
1.9	8125720	Tuyến từ ngõ ông Riêu đến nhà Trần Đơn Quế								14.391.000	14.391.000			14.391.000	-	14.391.000
2		Xã Phố An	0	0	0	0	0	0	0	286.885.000	286.885.000	0	0	286.885.000	-	286.885.000
2.1		Các tuyến đường ngõ xóm trên địa bàn thôn An Thuận năm 2024								286.885.000	286.885.000			286.885.000	-	286.885.000
3		Xã Phố Phong	0	0	0	0	0	0	0	1.145.026.000	1.145.026.000	0	0	1.145.026.000	-	1.145.026.000
3.1		Các tuyến đường ngõ xóm trên địa bàn thôn Vạn Trung (2) năm 2024								26.228.000	26.228.000			26.228.000	-	26.228.000

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm sách trước năm quyết toán		Số vốn TỰ theo chế độ của các năm trước năm quyết toán	TTKLHT trong năm của phần vốn TỰ theo chế độ chưa thu hồi K/C đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán				Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán				Tổng số vốn đã thanh toán thời gian thực hiện và giải ngân được quyết toán trong năm...	Lũy kế số vốn theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	
				Tổng số	Tr. dư: vốn tạm ứng theo chế độ đã chưa thu hồi			Kế hoạch vốn được kéo dài	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	KHIV được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	
2.10	Tuyển nhà ông Võ Nhật Khiết - nhà ông Nguyễn Văn Mỹ	8102402	31.760.000							-		31.760.000	31.760.000				-	31.760.000
2.11	Tuyển đường xã nhà ông Văn Văn (giai đoạn 2)	8102403	34.936.000							-		34.936.000	34.936.000				-	34.936.000
2.12	Tuyển tư Sản vốn đồng thôn Bàn Thước - Đường DH 49 (giai đoạn 1)	8102404	49.228.000							-		49.228.000	49.228.000				-	49.228.000
2.13	Tuyển nhà Hồ Xuân Mai - Nhà ông Đỗ Ngọc Liên	8102405	47.640.000							-		47.640.000	47.640.000				-	47.640.000
2.14	Tuyển nhà bà Phan Thị Bảy-nhà ông Lương-nhà ông Gô	8102412	39.700.000							-		39.700.000	39.700.000				-	39.700.000
2.15	Tuyển nhà ông Bùi Tâm - nhà bà Sừ	8102413	26.996.000							-		26.996.000	26.996.000				-	26.996.000
2.16	Tuyển nhà bà Dung - nhà ông Ngô Máy	8102502	79.400.000							-		79.400.000	79.400.000				-	79.400.000
2.17	Tuyển nhà bà Hoa - nhà ông Hà	8102503	31.760.000							-		31.760.000	31.760.000				-	31.760.000
2.18	Tuyển nhà ông Phi - nhà ông Phạm Cấn	8102504	58.756.000							-		58.756.000	58.756.000				-	58.756.000
3	Xã Phố Thuận		1.490.263.200	0	0	0	0	0	0	0	0	1.490.263.200	1.490.263.200	0	0	-	1.490.263.200	-
3.1	Tuyển đường từ nhà Tổng đến nhà ông Anh; Hàng mục: Mặt đường BTXXM.	8115440	78.900.000							-		78.900.000	78.900.000				-	78.900.000
3.2	Tuyển đường từ nhà ông Bùi Nạp đến nhà ông Dương Minh Tuấn; Hàng mục: Mặt đường BTXXM.	8115441	31.560.000							-		31.560.000	31.560.000				-	31.560.000
3.3	Đường từ đường Bè ông - Ngõ ông Nguyễn Bảy; Hàng mục: Mặt đường BTXXM	8115442	15.780.000							-		15.780.000	15.780.000				-	15.780.000
3.4	Đường giao thông nông thôn thuộc thôn Thanh Bình, xã Phố Thuận (giai đoạn 2); Hàng mục: Mặt đường BTXXM.	8115444	226.443.000							-		226.443.000	226.443.000				-	226.443.000
3.5	Đường giao thông nông thôn thuộc thôn An Định, xã Phố Thuận (giai đoạn 2); Hàng mục: Mặt đường BTXXM.	8115445	212.556.000							-		212.556.000	212.556.000				-	212.556.000
3.6	Đường giao thông nông thôn thuộc thôn Mỹ Thuận, xã Phố Thuận (giai đoạn 2); Hàng mục: Mặt đường BTXXM.	8115446	46.866.000							-		46.866.000	46.866.000				-	46.866.000
3.7	Đường giao thông nông thôn thuộc thôn Vung 4, xã Phố Thuận (giai đoạn 2); Hàng mục: Mặt đường BTXXM.	8115447	270.942.000							-		270.942.000	270.942.000				-	270.942.000
3.8	Đường giao thông nông thôn thuộc thôn Vung 5, xã Phố Thuận (giai đoạn 2); Hàng mục: Mặt đường BTXXM.	8115448	321.912.000							-		321.912.000	321.912.000				-	321.912.000
3.9	Đường giao thông nông thôn thuộc thôn Kim Gian, xã Phố Thuận (giai đoạn 2); Hàng mục: Mặt đường BTXXM.	8115449	243.958.800							-		243.958.800	243.958.800				-	243.958.800
3.10	Đường giao thông nông thôn thuộc thôn Thiệp Sơn, xã Phố Thuận (giai đoạn 2); Hàng mục: Mặt đường BTXXM.	8115450	41.343.000							-		41.343.000	41.343.000				-	41.343.000
III	NGÂN SÁCH HUYỆN HỒ TỶ		22.120.100.769	-	-	-	-	-	-	-	-	10.158.626.000	8.144.807.000	-	1.971.770.000	42.049.400	8.144.807.000	-
	MÃ NGUỒN: 43		22.120.100.769	-	-	-	-	-	-	-	-	10.158.626.000	8.144.807.000	-	1.971.770.000	42.049.400	8.144.807.000	-
160	160 - Văn hóa Thông tin		1.000.000.000							-		200.000.000	200.000.000				-	200.000.000
280	280 - Các hoạt động kinh tế		20.120.100.769							-		9.958.626.000	7.944.807.000				-	7.944.807.000
161	Mã ngành 161- Văn hóa		1.000.000.000							-		200.000.000	200.000.000				-	200.000.000
1	Xã Phố Thuận		1.000.000.000							-		200.000.000	200.000.000				-	200.000.000
1.1	Nhà văn hóa sân thể thao thôn Thiệp Sơn	8081078	1.000.000.000							-		200.000.000	200.000.000				-	200.000.000
283	Mã ngành 283- Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi		4.925.000.000							-		3.537.500.000	2.883.595.000				-	2.883.595.000
1	Xã Phố An		875.000.000							-		87.500.000	87.500.000				-	87.500.000
1.1	KCH kênh mương D81 6 di sông Thoa Gió Sway di mương (tên dài 4 thôn An Thổ	8084081	875.000.000							-		87.500.000	87.500.000				-	87.500.000
2	Xã Phố Cường		700.000.000							-		87.500.000	87.500.000				-	87.500.000
2.1	KCH tuyến kênh từ An Vương- nhà ông Liên	8081800	700.000.000							-		87.500.000	87.500.000				-	87.500.000
3	Xã Phố Nhon		1.875.000.000							-		1.087.500.000	1.065.320.000				-	1.065.320.000
3.1	KCH kênh N7 di Mương Nang	8081806	875.000.000							-		87.500.000	87.500.000				-	87.500.000

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Lấy kế toán đã giải ngân từ theo chế độ phân công việc kết năm ngân sách trước năm quyết toán		Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Kế hoạch và giải ngân vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Lấy kế toán đã giải ngân từ theo chế độ phân công việc kết năm ngân sách trước năm quyết toán																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
				Tổng số	Tỷ lệ vốn thực hiện trước năm quyết toán	Số vốn TT/ theo chế độ phân vốn TT/ chưa thu hồi vốn các năm trước năm quyết toán	Trong năm của phân vốn TT/ chưa thu hồi vốn các năm trước năm quyết toán	Kế hoạch vốn được kéo dài	Tổng số	Thanh toán hoàn thành	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch tiếp tục được phân kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hết (nếu có)	Vốn kế hoạch tiếp tục được phân kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán (nếu có)	Tổng số	Thanh toán hoàn thành	Vốn tạm ứng	Kế hoạch tiếp tục được phân kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hết (nếu có)	Vốn kế hoạch tiếp tục được phân kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán (nếu có)	Tổng số vốn đã thanh toán thành công trong năm...																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
3.2	KCH kinh doanh M&D		8099649	1.000.000.000																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn TỰ theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh gắn trong năm quyết toán	TTKLHT trong năm của phần vốn TỰ theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và thành toán vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán				Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán				Tổng số vốn đã thành toán thành được quyết toán trong năm...	Lũy kế số vốn theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	
				Tổng số	Tr: dư: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Kế hoạch vốn được kéo dài	Giải ngân	Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân	Vốn tạm ứng	KHV được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)			
3.15	8108126: Tuyển Lê Tiếp đi Đức Tân (Giải đoạn 2)	8108126	520.000.000						-			519.913.000	519.913.000			87.000	519.913.000	-
3.16	Tuyển Châu Sếp đi nhà ông Tung (thôn Tân Phong)	8085531	87.500.000						-			87.500.000	87.500.000				87.500.000	-
3.17	Ngô Trung Quang Thư - đường bê tông số 8 Hùng Nghĩa (thôn Hùng Nghĩa)	8120775	800.000.000						-			800.000.000	75.582.000		724.418.000		75.582.000	-
4	Xã Phố Khánh		131.269.000	0	0	0	0	0	0	0	0	131.269.000	131.269.000	0	0	-	131.269.000	-
4.1	Các tuyến đường ngõ xóm trên địa bàn thôn Diên Trường năm 2024.	8104266	54.712.000						-			54.712.000	54.712.000				54.712.000	-
4.2	Tuyến đường nhà ông Phạm Lắc đến nhà ông Nguyễn Hùng	8104270	7.275.000						-			7.275.000	7.275.000				7.275.000	-
4.3	Tuyến đường nhà ông Cam đến nhà ông Tinh xóm 5, thôn Diên Trường	8122167	6.222.000						-			6.222.000	6.222.000				6.222.000	-
4.4	Tuyến đường ngõ ba ông Lơ đến nhà ông Long, thôn Trung Sơn	8122168	12.444.000						-			12.444.000	12.444.000				12.444.000	-
4.5	8122169 - Tuyến đường xóm 5 đi đến nhà ông Võ Bắc, thôn Diên Trường	8122169	4.148.000						-			4.148.000	4.148.000				4.148.000	-
4.6	Tuyến đường từ nhà ông Mèo đến nhà ông Xi, thôn Trung Sơn	8122170	20.600.000						-			20.600.000	20.600.000				20.600.000	-
4.7	Tuyến đường nhà ông Tin, xóm 28 đi đến giúp đường mới thôn Trung Hải	8122171	25.868.000						-			25.868.000	25.868.000				25.868.000	-
5	Xã Phố Cường		524.917.000	0	0	0	0	0	0	0	0	524.917.000	524.917.000	0	0	-	524.917.000	-
5.1	Tuyến nhà Trịnh Thị Chân - Tuyến Mỹ Trang-Lâm Bình	8102258	20.736.000						-			20.736.000	20.736.000				20.736.000	-
5.2	Tuyến nhà ông Nhom - Gò Bắc;	8102306	54.367.000						-			54.367.000	54.367.000				54.367.000	-
5.3	Tuyến đường bê-tông - nhà ông Nguyễn Văn Triều;	8102309	10.820.000						-			10.820.000	10.820.000				10.820.000	-
5.4	Tuyến nhà ông Nam - Nhà ông Nguyễn Đức Tung	8102310	21.094.000						-			21.094.000	21.094.000				21.094.000	-
5.5	Tuyến nhà Hồ Ai - nhà ông Cao Văn Xuyên (giải đoạn 1)	8102311	15.892.000						-			15.892.000	15.892.000				15.892.000	-
5.6	Tuyến nông Nguyễn Thị Sang-KĐC 7	8102312	75.742.000						-			75.742.000	75.742.000				75.742.000	-
5.7	Tuyến nhà ba Thơm - Nhà ông Dương Hiến Thủy	8102321	10.547.000						-			10.547.000	10.547.000				10.547.000	-
5.8	Tuyến nhà ông Bốn - Nhà ông Mai Cang	8102322	21.094.000						-			21.094.000	21.094.000				21.094.000	-
5.9	Tuyến nhà Lai Đình Phi - Cháu ông Pháp	8102401	22.087.000						-			22.087.000	22.087.000				22.087.000	-
5.10	Tuyến nhà ông Võ Nhật Khôi - nhà ông Nguyễn Văn Mỹ	8102402	20.736.000						-			20.736.000	20.736.000				20.736.000	-
5.11	Tuyến đường xê - nhà ông Văn (giải đoạn 2)	8102403	23.804.000						-			23.804.000	23.804.000				23.804.000	-
5.12	Tuyến từ Sân vận động thôn Bàn Thước - Đường DH 49 (giải đoạn 1)	8102404	33.542.000						-			33.542.000	33.542.000				33.542.000	-
5.13	Tuyến nhà Hồ Xuân Mai - Nhà ông Đỗ Ngọc Liên	8102405	31.790.000						-			31.790.000	31.790.000				31.790.000	-
5.14	Tuyến nhà ba Phan Thị Bảy-nhà ông Lương-nhà ông Gò	8102412	26.487.000						-			26.487.000	26.487.000				26.487.000	-
5.15	Tuyến nhà ông Bùi Tâm - nhà ba Sư	8102413	18.011.000						-			18.011.000	18.011.000				18.011.000	-
5.16	Tuyến nhà ba Dung - nhà ông Ngô Mây	8102502	55.219.000						-			55.219.000	55.219.000				55.219.000	-
5.17	Tuyến nhà ba Lưu - nhà ông Hà	8102503	22.087.000						-			22.087.000	22.087.000				22.087.000	-
5.18	Tuyến nhà ông Phi - nhà ông Phạm Cẩn	8102504	40.862.000						-			40.862.000	40.862.000				40.862.000	-
6	Xã Phố Thuận		1.021.380.000	0	0	0	0	0	0	0	0	1.021.380.000	1.016.355.000	0	0	5.025.000	1.016.355.000	-
6.1	Tuyến đường từ nhà Tung đến nhà ông Ánh; Hàng mục: Mặt đường BTXM.	8115440	54.670.000						-			54.670.000	54.670.000				54.670.000	-
6.2	Tuyến đường từ nhà ông Bùi Ngật đến nhà ông Dương Minh Toàn; Hàng mục: Mặt đường BTXM.	8115441	21.251.000						-			21.251.000	21.017.000			234.000	21.017.000	-
6.3	Đường từ đường Bê-lông - Ngõ ông Nguyễn Bảy; Hàng mục: Mặt đường BTXM.	8115442	10.780.000						-			10.780.000	10.647.000			133.000	10.647.000	-

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn đã giải ngân từ thời điểm kết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn TT/ trong năm của phân vốn từ trước năm quyết toán	TKKLT theo chế độ phân vốn từ trước năm quyết toán	Kế hoạch và thành toán vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán				Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán				Tổng số vốn đã thành toán thành được quyết toán trong năm...	Lấy kế số vốn theo chế độ chi trả hời chưa thu hồi công nên kết năm quyết toán
				Tổng số	Tr.đó: vốn tạm ứng theo chế độ chi trả hời			Giai ngân	Thanh toán khối lượng công	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán (nếu có)	Số vốn của lại chưa giải ngân hời ba (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Tổng số	Thanh toán khối lượng công		
6.4	Dương gia thông nông thôn thuộc thôn Thanh Bình, xã Phố Thuận (giai đoạn 2); Hàng mục: Mã đường BTXM.	8115444	159.095.000					-		-	159.095.000	159.095.000	159.095.000			-	159.095.000
6.5	Dương gia thông nông thôn thuộc thôn An Định, xã Phố Thuận (giai đoạn 2); Hàng mục: Mã đường BTXM.	8115445	146.953.000					-		-	146.953.000	145.954.000	145.954.000			999.000	145.954.000
6.6	Dương gia thông nông thôn thuộc thôn Mỹ Thuận, xã Phố Thuận (giai đoạn 2); Hàng mục: Mã đường BTXM.	8115446	31.857.000					-		-	31.857.000	31.479.000	31.479.000			378.000	31.479.000
6.7	Dương gia thông nông thôn thuộc thôn Vĩnh 4, xã Phố Thuận (giai đoạn 2); Hàng mục: Mã đường BTXM.	8115447	182.439.000					-		-	182.439.000	182.159.000	182.159.000			280.000	182.159.000
6.8	Dương gia thông nông thôn thuộc thôn Vĩnh 5, xã Phố Thuận (giai đoạn 2); Hàng mục: Mã đường BTXM.	8115448	219.912.000					-		-	219.912.000	218.937.000	218.937.000			975.000	218.937.000
6.9	Dương gia thông nông thôn thuộc thôn Kim Giao, xã Phố Thuận (giai đoạn 2); Hàng mục: Mã đường BTXM.	8115449	166.585.000					-		-	166.585.000	164.866.000	164.866.000			1.719.000	164.866.000
6.10	Dương gia thông nông thôn thuộc thôn Thiệp Sơn, xã Phố Thuận (giai đoạn 2); Hàng mục: Mã đường BTXM.	8115450	27.838.000					-		-	27.838.000	27.531.000	27.531.000			307.000	27.531.000
7	Xã Phố Châu		1.109.000.000					-		-	87.500.000	86.376.000	86.376.000			1.124.000	86.376.000
7.1	Dự án Dương lưu 2.3 đi đến Bình Đa thôn Hàng Lung	8086227	1.109.000.000					-		-	87.500.000	86.376.000	86.376.000			1.124.000	86.376.000

TRƯỞNG PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 22 - KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XII

TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CHỦ TỊCH



Đề Văn Biếu



Trần Mạnh Kiên



Đài Văn Biếu

